

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2024/DS-ST

Ngày 19-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Nguyễn Đức Lợi.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 269/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S; Địa chỉ: Tầng I, Tòa nhà F - Số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lữ Thái Hoàng Q, sinh năm 1993 và bà Lý Nhã L, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tầng I, Tòa nhà F - Số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2024). Bà L có mặt, ông Q vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A (số mới 2 N) khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10 tháng 4 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng S trình bày:

Ngân hàng S cấp khoản vay cho bà Nguyễn Ngọc L1 căn cứ theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/08/2022, chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng (từ ngày 18/08/2022 đến ngày 18/08/2026); Mục đích cho vay: Mua hàng hóa (đồ nội thất cũ); Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản số 070-008-0003849-2 của bà Nguyễn Ngọc L1 mở tại Ngân hàng

S – Chi nhánh Thành phố H; Lãi suất trong hạn: cố định 12%/năm từ ngày giải ngân; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi : 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận cho vay cá nhân, bà Nguyễn Ngọc L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng S. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, ngày 09/01/2024, Ngân hàng S ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên. Kể từ thời điểm giải ngân đến nay, bà Nguyễn Ngọc L1 đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 163.569.158 đồng, trong đó: Vốn gốc 110.379.125 đồng; lãi trong hạn 53.113.286 đồng; lãi quá hạn 60.930 đồng; lãi chậm trả trên dư nợ lãi trong hạn 15.817 đồng.

Tính đến ngày 19/7/2024, bà Nguyễn Ngọc L1 còn nợ Ngân hàng S theo Thỏa thuận cho vay 21386PL ngày 18/08/2022, các khoản sau: Vốn gốc: 389.620.875 đồng; Lãi trong hạn: 21.645.570 đồng; Lãi quá hạn: 34.478.629 đồng; Lãi chậm trả: 1.796.502 đồng; Tổng cộng là: 447.541.576 đồng.

Nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Ngọc L1 trả nợ cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 19/07/2024 là: 447.541.576 đồng gồm: Vốn gốc: 389.620.875 đồng; Lãi trong hạn: 21.645.570 đồng; Lãi quá hạn: 34.478.629 đồng; Lãi chậm trả trên dư nợ lãi chưa thanh toán: 1.796.502 đồng;

- Kể từ ngày 20/7/2024, bà Nguyễn Ngọc L1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ gốc và lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả trên dư nợ lãi chưa thanh toán theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc L1:* Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Ngọc L1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà L1 đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc L1 thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/08/2022 giữa bà Nguyễn Ngọc L1 với Ngân hàng S. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L1 có hộ khẩu thường trú tại số A (số mới 2 N) khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa các ngày 17/7/2024 và 19/7/2024 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L1 phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 18/08/2022, Ngân hàng S cấp khoản vay cho bà Nguyễn Ngọc L1 theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng (từ ngày 18/08/2022 đến ngày 18/08/2026); Mục đích cho vay: Mua hàng hóa (đồ nội thất cũ); Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản số 070-008-0003849-2 của bà Nguyễn Ngọc L1 mở tại Ngân hàng S – Chi nhánh Thành phố H; Lãi suất trong hạn: cố định 12%/năm từ ngày giải ngân; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Ngọc L1 vào tài khoản số 070-008-0003849-2 của bà Nguyễn Ngọc L1 mở tại Ngân hàng S – Chi nhánh Thành phố H

Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/08/2022 giữa Ngân hàng S với bà Nguyễn Ngọc L1 là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Ngọc L1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/08/2022.

Nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc L1 trả nợ cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 19/07/2024 là: 447.541.576 đồng gồm: Vốn gốc: 389.620.875 đồng; Lãi trong hạn: 21.645.570 đồng; Lãi quá hạn: 34.478.629 đồng; Lãi chậm trả trên dư nợ lãi chưa thanh toán: 1.796.502 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận

[4] Về yêu cầu trả liền lãi: Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*Tổ chức tín dụng và*

khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Tại mục 3.1, 3.2 Mục Các điều khoản và điều kiện chung của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/08/2022 giữa Ngân hàng S với bà Nguyễn Ngọc L1 lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận là bằng 150% mức lãi trong hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn bà Nguyễn Ngọc L1 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Sinopac các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 20/7/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/08/2022 giữa Ngân hàng S với bà Nguyễn Ngọc L1.

[5] Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.781.926 đồng do Ngân hàng S chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng S đã nộp xong.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 40, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Nguyễn Ngọc L1 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà Nguyễn Ngọc L1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S khoản nợ của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/08/2022 số tiền tính đến ngày 19/07/2024 là: 447.541.576 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng), gồm:

+ Vốn gốc: 389.620.875 đồng;

+ Lãi trong hạn: 21.645.570 đồng;

+ Lãi quá hạn: 34.478.629 đồng;

+ Lãi chậm trả trên dư nợ lãi chưa thanh toán: 1.796.502 đồng;

- Kể từ ngày 20/7/2024, bà Nguyễn Ngọc L1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ gốc và lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả trên dư nợ lãi chưa thanh toán theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21386PL ngày 18/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Ngọc L1 phải chịu số tiền 21.901.663 đồng (hai mươi một triệu chín trăm lẻ một nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng S số tiền 10.274.316 đồng (mười triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười sáu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002839 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam